

CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Hà Nội - Tháng 2 năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 11/2004/BXD ngày 11 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Theo quyết định số 1190/QĐ – BXD ngày 26 tháng 9 năm 2014 và Quyết định số 1526/QĐ – BXD ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khảo sát và Xây dựng đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100107123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2004, Đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 04/11/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp lần thứ 07 ngày 04/11/2020 là 55.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng*), được chia thành 5.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là: 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên sàn UpCOM với mã USC.

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Union Of Server Construction Joint Stock Company

Tên Công ty viết tắt: USCO

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 91 Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Văn Định	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Thoáng	Thành viên
Ông Nguyễn Lâm Cường	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30/11/2021)
Bà Trần Linh Trang	Thành viên
Ông Trần Mạnh Long	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30/11/2021)
Ông Trần Ngọc Sang	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Lương Ngọc Sang	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Minh Thúy	Thành viên
Bà Lê Thị Chuyên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27/4/2021)
Bà Bùi Thị Thanh Hương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/4/2021)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Thoáng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Sang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, ngoài sự kiện tại thuyết minh 7.1 xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIỆT NAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



Nguyễn Trọng Thoáng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Số: 78/2022/BCKT-CPA VIETNAM-NVI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO, được lập ngày 23 tháng 02 năm 2022, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Nguyễn Khánh Minh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4484-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		195.944.983.423	206.738.728.447
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.249.933.225	6.731.249.730
1. Tiền	111		3.914.117.583	6.431.249.730
2. Các khoản tương đương tiền	112		335.815.642	300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		101.586.895.599	116.164.435.883
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	54.390.559.909	60.391.754.971
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	11.548.207.658	13.216.558.821
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	35.648.128.032	42.556.122.091
IV. Hàng tồn kho	140		62.405.706.501	61.352.265.674
1. Hàng tồn kho	141	5.5	62.405.706.501	61.352.265.674
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.702.448.098	22.490.777.160
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	1.820.546.838	2.765.880.738
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.832.728.021	19.685.073.864
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	49.173.239	39.822.558
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		39.129.159.409	40.661.930.839
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		100.000.000	209.380.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	100.000.000	209.380.000
II. Tài sản cố định	220		12.054.381.277	12.895.103.111
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	10.997.996.477	11.838.718.311
- Nguyên giá	222		60.996.436.275	60.798.936.275
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.998.439.798)	(48.960.217.964)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.056.384.800	1.056.384.800
- Nguyên giá	228		1.056.384.800	1.056.384.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		40.615.000	40.615.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		40.615.000	40.615.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	20.375.000.000	20.375.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		375.000.000	375.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.559.163.132	7.141.832.728
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	6.559.163.132	7.141.832.728
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		235.074.142.832	247.400.659.286

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	300		175.771.372.427	187.984.020.534
I. Nợ ngắn hạn	310		155.771.372.427	167.984.020.534
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	19.220.221.873	18.450.063.571
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	61.522.800.330	66.304.846.564
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	3.330.833.464	3.667.566.810
4. Phải trả người lao động	314		2.459.761.163	7.021.355.289
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	9.086.307.966	16.948.713.777
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		331.643.637	223.398.182
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	46.200.493.869	44.626.885.855
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	13.008.620.120	9.952.425.009
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		610.690.005	788.765.477
II. Nợ dài hạn	330		20.000.000.000	20.000.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	20.000.000.000	20.000.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		59.302.770.405	59.416.638.752
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	59.302.770.405	59.416.638.752
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		55.000.000.000	55.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		55.000.000.000	55.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.979.507.497	1.979.507.497
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.323.262.908	2.437.131.255
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.323.262.908	2.437.131.255
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		235.074.142.832	247.400.659.286

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Người lập



Triệu Thị Giang

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thanh Huyền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Thoáng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	140.898.561.035	228.386.280.141
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		140.898.561.035	228.386.280.141
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	124.075.600.089	208.811.811.641
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		16.822.960.946	19.574.468.500
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	40.640.500	363.216.824
7. Chi phí tài chính	22	6.4	242.817.669	77.366.667
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		242.817.669	77.366.667
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	13.681.272.469	16.226.615.696
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		2.939.511.308	3.633.702.961
11. Thu nhập khác	31	6.6	568.833.452	2.317.647.456
12. Chi phí khác	32	6.6	763.215.110	2.854.015.643
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(194.381.658)	(536.368.187)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		2.745.129.650	3.097.334.774
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	421.866.742	660.203.519
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.323.262.908	2.437.131.255
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	422,41	368,00

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

ng

V. Thanh Huyền



Triệu Thị Giang

Vũ Thị Thanh Huyền

Nguyễn Trọng Thoáng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.745.129.650	3.097.334.774
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		1.038.221.834	1.067.855.637
= Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(40.640.500)	(635.035.006)
- Chi phí lãi vay	06		242.817.669	77.366.667
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.985.528.653	3.607.522.072
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.249.159.271	18.449.745.374
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.053.440.827)	5.495.100.127
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(12.944.924.852)	(41.106.091.768)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.528.003.496	1.065.331.986
- Tiền lãi vay đã trả	14		(242.817.669)	(77.366.667)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(660.168.481)	(225.995.508)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		3.280.756.175	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.221.376.175)	(2.854.015.643)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.079.280.409)	(15.645.770.027)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(197.500.000)	(24.485.478)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	299.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		40.640.500	363.216.824
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(156.859.500)	10.637.731.346
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		16.668.382.391	18.628.598.090
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(13.612.187.280)	(17.304.630.746)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.301.371.707)	(2.500.316.194)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.754.823.404	(1.176.348.850)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(2.481.316.505)	(6.184.387.531)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.731.249.730	12.915.637.261
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	4.249.933.225	6.731.249.730

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Người lập

Triệu Thị Giang

Triệu Thị Giang

Kế toán trưởng

Vũ Thị Thanh Huyền

Vũ Thị Thanh Huyền



Nguyễn Trọng Thoáng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 11/2004/BXD ngày 11 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Theo quyết định số 1190/QĐ - BXD ngày 26 tháng 9 năm 2014 và Quyết định số 1526/QĐ - BXD ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khảo sát và Xây dựng đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100107123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2004, Đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 04/11/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp lần thứ 07 là 55.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng*), được chia thành 5.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là: 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên sàn UpCOM với mã USC.

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Union Of Survey Construction Joint Stock Company,

Tên Công ty viết tắt: USCO.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 91 Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.

Số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 196 người (tại ngày 01/01/2021 là 265 người)

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Thiết kế công trình khai thác mỏ lộ thiên;
- Thiết kế, lập tổng dự toán và giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng, thiết kế quy hoạch chi tiết khu công nghiệp, dân cư;
- Lập và quản lý các dự án đầu tư xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình kỹ thuật hạ tầng;
- Đo đạc, thành lập bản đồ địa hình, đo đạc công trình, đo đạc địa chính;
- Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò tài nguyên làm vật liệu xây dựng;
- Thiết kế các công trình thoát nước và xử lý nước thải;
- Thí nghiệm mẫu cơ lý, hóa, vật liệu xây dựng, môi trường và kiểm định xây dựng;
- Thăm dò và khai thác khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Gia công, sửa chữa thiết bị vật tư chuyên ngành khảo sát, xây dựng;
- Sản xuất vật tư chuyên ngành khảo sát, xây dựng;
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành khảo sát, xây dựng;
- Đầu tư xây dựng và quản lý kinh doanh khai thác bến bãi đỗ xe;
- In các ấn phẩm phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh của Công ty (không bao gồm hoạt động xuất bản);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xây dựng nhà các loại;
- Phá dỡ gồm phá hủy hoặc đập các tòa nhà và các công trình khác;
- Làm sạch mặt bằng xây dựng;
- Vận chuyển đất: Đào, lấp, sang mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò tài nguyên làm vật liệu xây dựng, thí nghiệm và xây dựng.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ đầu năm 2021, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. So với cùng kỳ năm trước thì Doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm so với kế hoạch và cùng kỳ năm trước.

Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Năm 2021, Công ty thuộc đối tượng được hỗ trợ theo chính sách của Chính phủ nên Công ty nhận được các khoản hỗ trợ liên quan.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc, trực thuộc Công ty

1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO tại miền Trung;
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng miền Nam;
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO tại T.p Hồ Chí Minh;
4. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Xí nghiệp Khảo sát và Xử lý nền móng;
5. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Xí nghiệp Khảo sát Đo đạc và Xây dựng;
6. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Xí nghiệp Khảo sát địa chất và Xây dựng;
7. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Xí nghiệp Khảo sát và Đầu tư Xây dựng;
8. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hà Nội;
9. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng;
10. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Quảng Ngãi;
11. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng miền Trung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHIẾ DỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng.

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thụ hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao (Số năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước về giá trị cho thuê của hàng, quầy hàng khách hàng trả trước tiền thuê; Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu, hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu và các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ và giá vốn hoạt động xây lắp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2021, Công ty được Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị Định 92/2021 hướng dẫn thực hiện Nghị quyết 406/2021/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hỗ trợ doanh nghiệp khó khăn vượt qua đại dịch covid 19.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là tư vấn khảo sát, xây dựng và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	1.047.776.792	1.171.303.920
Tiền gửi ngân hàng	2.866.340.791	5.259.945.810
Các khoản tương đương tiền	335.815.642	300.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng</i>	<i>335.815.642</i>	<i>300.000.000</i>
Tổng	4.249.933.225	6.731.249.730

5.2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần AT	6.345.689.000	6.595.689.000
Công ty TNHH Ngọc Minh Quang	-	2.410.466.000
Công ty TNHH MTV đầu tư XD Hoàng Dân	2.172.157.000	5.017.290.000
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	45.872.713.909	46.368.309.971
Tổng	54.390.559.909	60.391.754.971

5.3. Trả trước cho người bán

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức	1.520.008.500	1.520.008.500
Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ	1.134.651.959	-
Vận Tài Bảo An	-	-
Các đối tượng khác	8.893.547.199	11.696.550.321
Tổng	11.548.207.658	13.216.558.821

5.4. Phải thu khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	35.648.128.032	-	42.556.122.091	-
Phải thu người lao động	4.451.405.345	-	4.216.288.244	-
Tạm ứng	29.251.416.815	-	36.478.813.215	-
Các đối tượng khác	1.945.305.872	-	1.861.020.632	-
Dài hạn	100.000.000	-	209.380.000	-
Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	209.380.000	-
Tổng	35.748.128.032	-	42.765.502.091	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.5. Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	300.191.262	-	300.191.262	-
Công cụ, dụng cụ	158.132.454	-	158.132.454	-
Chi phí SX KDDD	58.754.974.787	-	60.893.941.958	-
Hàng hóa	3.192.407.998	-	-	-
Tổng	62.405.706.501	-	61.352.265.674	-

5.6. Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	1.820.546.838	2.765.880.738
Công cụ dụng cụ, chi phí khác	1.820.546.838	2.765.880.738
Dài hạn	6.559.163.132	7.141.832.728
Công cụ dụng cụ, chi phí khác	6.236.249.851	6.711.281.691
Giá trị lợi thế kinh doanh	322.913.281	430.551.037
Tổng	8.379.709.970	9.907.713.466

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.7. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2021	35.357.413.074	15.984.566.150	9.133.471.596	323.485.455	60.798.936.275
Tăng trong năm	-	197.500.000	-	-	197.500.000
Mua trong năm	-	197.500.000	-	-	197.500.000
Số dư tại 31/12/2021	35.357.413.074	16.182.066.150	9.133.471.596	323.485.455	60.996.436.275
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2021	25.566.479.827	14.358.979.627	8.722.171.911	312.586.599	48.960.217.964
Tăng trong năm	764.949.684	206.939.024	55.434.270	10.898.856	1.038.221.834
Khấu hao trong năm	764.949.684	206.939.024	55.434.270	10.898.856	1.038.221.834
Số dư tại 31/12/2021	26.331.429.511	14.565.918.651	8.777.606.181	323.485.455	49.998.439.798
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2021	9.790.933.247	1.625.586.523	411.299.685	10.898.856	11.838.718.311
Tại 31/12/2021	9.025.983.563	1.616.147.499	355.865.415	-	10.997.996.477

Nguyên giá tài sản hết khấu hao vẫn sử dụng tại thời điểm 31/12/2021 là 23.770.135.923 đồng (tại ngày 01/01/2021 là 17.790.897.090 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản đem đi thế chấp khoản vay Ngân hàng tại thời điểm 31/12/2021 là nhà làm việc tại số 91 Phùng Hưng với giá trị là 2.171.629.248 đồng, (tại ngày 01/01/2021 là 2.409.695.480 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.8. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYỄN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2021	1.056.384.800	1.056.384.800
Số dư tại 31/12/2021	1.056.384.800	1.056.384.800
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2021	-	-
Số dư tại 31/12/2021	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2021	1.056.384.800	1.056.384.800
Tại 31/12/2021	1.056.384.800	1.056.384.800

Tài sản cố định vô hình của Công ty với trị giá 1.056.384.800 đồng là Quyền sử dụng đất lâu dài của Lô A89, tờ Bản đồ số 00 tại địa chỉ: Khu phố mới Tân Thạnh, phường Tân Thạnh, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam và Số 187 Lê Thánh Tôn, phường 3, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

5.9. Các khoản Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết	20.000.000.000		-	20.000.000.000		-
Công ty Cổ phần Đầu tư - phát triển Nhà số 5 Lạc Long Quân	20.000.000.000		-	20.000.000.000		-
Đầu tư dài hạn khác	375.000.000		-	375.000.000		-
Công ty CP Bất động sản Lilama Land	375.000.000		-	375.000.000		-
Tổng	20.375.000.000	(*)	-	20.375.000.000	(*)	-

(*) Giá trị hợp lý: Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Xí nghiệp sản xuất cao su nhựa - KDTM Phương Viên	476.432.000	476.432.000	1.498.728.000	1.498.728.000
Công ty CP Công nghiệp L.Nhất	-	-	1.011.707.352	1.011.707.352
Công ty TNHH Tân Thịnh Phát	-	-	1.064.440.000	1.064.440.000
Công ty Cổ phần cơ khí xây dựng AMECC	1.449.300.000	1.449.300.000	-	-
Các đối tượng khác	17.294.489.873	17.294.489.873	14.875.188.219	14.875.188.219
Tổng	19.220.221.873	19.220.221.873	18.450.063.571	18.450.063.571

5.11. Người mua trả tiền trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty CP xi măng Sông Lam	3.536.668.000	3.536.668.000
Công ty URS Federal Services International, Inc - Văn phòng đại diện tại Việt Nam	24.673.059.530	37.661.729.204
Các đối tượng khác	33.313.072.800	25.106.449.360
Tổng	61.522.800.330	66.304.846.564

5.12. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	3.667.566.810	4.640.147.998	4.976.881.344	3.330.833.464
Thuế giá trị gia tăng	2.332.536.599	2.834.879.636	3.322.053.102	1.845.363.133
Thuế thu nhập doanh nghiệp	660.168.481	421.866.742	660.168.481	421.866.742
Thuế thu nhập cá nhân	61.098.802	130.259.489	147.157.222	44.201.069
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	608.610.141	1.134.706.357	734.809.303	1.008.507.195
Thuế Môn bài	-	14.000.000	14.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.152.787	104.435.774	98.693.236	10.895.325
Phải thu	39.822.558	28.595.065	37.945.746	49.173.239
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	-	6.000.000	6.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	17.010.498	-	-	17.010.498
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	22.812.060	28.595.065	31.945.746	26.162.741

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.13. Chi phí phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	9.086.307.966	16.948.713.777
Chi phí trích trước giá thành công trình	9.086.307.966	16.948.713.777
Tổng	9.086.307.966	16.948.713.777

5.14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	46.200.493.869	44.626.885.855
Kinh phí công đoàn	567.637.843	429.109.253
Bảo hiểm xã hội	2.791.477.483	2.149.778.427
Bảo hiểm y tế	151.922.363	101.392.161
Bảo hiểm thất nghiệp	66.290.939	44.758.371
Phải trả, phải nộp khác	42.623.165.241	41.901.847.643
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và xây dựng Tư kỳ</i>	-	5.000.000.000
<i>Phải trả Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam</i>	2.434.024.308	1.717.035.508
<i>Phải trả cổ tức</i>	759.360.199	36.731.906
<i>Phải trả chi phí khoán công trình cho các Đội, Trung tâm và phải trả khác</i>	39.429.780.734	35.148.080.229
Tổng	46.200.493.869	44.626.885.855

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.15. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2021 (VND)		Phát sinh trong năm (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	13.008.620.120	13.008.620.120	16.668.382.391	13.612.187.280	9.952.425.009	9.952.425.009
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội (1)	6.088.987.911	6.088.987.911	15.818.382.391	12.632.187.280	2.902.792.800	2.902.792.800
Các đối tượng khác (2)	6.919.632.209	6.919.632.209	850.000.000	980.000.000	7.049.632.209	7.049.632.209
<i>Vay có lãi suất</i>	<i>1.632.740.200</i>	<i>1.632.740.200</i>	<i>850.000.000</i>	<i>980.000.000</i>	<i>1.762.740.200</i>	<i>1.762.740.200</i>
<i>Vay không lãi suất</i>	<i>5.286.892.009</i>	<i>5.286.892.009</i>	-	-	<i>5.286.892.009</i>	<i>5.286.892.009</i>
Vay dài hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn VIDEA (3)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng	33.008.620.120	33.008.620.120	16.668.382.391	13.612.187.280	29.952.425.009	29.952.425.009

Trong đó:

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng số 21082020/TPB.BDI ngày 21 tháng 8 năm 2020; thời hạn vay dưới 12 tháng, lãi suất vay linh động theo từng lần nhân nợ; mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh.

Tài sản đảm bảo là Quyền và tài sản trên đất 91 Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội;

- (2) Khoản vay không có lãi suất với số tiền 5.286.892.009 đồng là khoản Quyết toán quỹ lương trước thời điểm Cổ phần hóa, Cán bộ Công nhân viên cho Công ty tạm thời vay lại để hoạt động sản xuất kinh doanh, không có lãi suất và tài sản đảm bảo, khoản vay này được Công ty thanh toán dần cho Cán bộ công nhân viên.

Một số khoản vay cá nhân khác số tiền 1.632.740.200 đồng, thời hạn vay 12 tháng và không có tài sản đảm bảo, lãi suất là 8,6%/năm.

- (3) Hợp đồng vay số 104/VIDEC-USCO ngày 18/12/2017, số tiền vay 20 tỷ đồng, lãi suất 0%, thời hạn vay trên 12 tháng, mục đích vay mua 2.000.000 cổ phần của Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà số 5 Lạc Long Quân; Phụ lục gia hạn hợp đồng vay dài hạn đến 18/12/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.16. Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	55.000.000.000	1.591.713.060	3.875.725.916	60.467.438.976
Tăng trong năm	-	387.794.437	2.437.131.255	2.824.925.692
Lãi trong năm	-	-	2.437.131.255	2.437.131.255
Phân phối lợi nhuận	-	387.794.437	-	387.794.437
Giảm trong năm	-	-	3.875.725.916	3.875.725.916
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.356.725.916	1.356.725.916
Chia cổ tức	-	-	2.519.000.000	2.519.000.000
Số dư tại 31/12/2020	55.000.000.000	1.979.507.497	2.437.131.255	59.416.638.752
Số dư tại 01/01/2021	55.000.000.000	1.979.507.497	2.437.131.255	59.416.638.752
Tăng trong năm	-	-	2.323.262.908	2.323.262.908
Lãi trong năm	-	-	2.323.262.908	2.323.262.908
Giảm trong năm	-	-	2.437.131.255	2.437.131.255
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	413.131.255	413.131.255
Chia cổ tức (i)	-	-	2.024.000.000	2.024.000.000
Số dư tại 31/12/2021	55.000.000.000	1.979.507.497	2.323.262.908	59.302.770.405

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 20/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021 của Đại hội đồng Cổ đông:

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 413.131.255 đồng.
- Chia cổ tức năm 2020: 2.024.000.000 đồng (368 VND/cổ phiếu).

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - Công ty Cổ phần	31.766.000.000	31.766.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	23.234.000.000	23.234.000.000
Tổng	55.000.000.000	55.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	55.000.000.000	55.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	55.000.000.000	55.000.000.000
Cổ tức đã chia	2.024.000.000	2.519.000.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	413.131.255	968.931.479
Quỹ đầu tư phát triển	-	387.794.437

d. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.500.000	5.500.000
Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.500.000	5.500.000
Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.979.507.497	1.979.507.497
Quỹ Khen thưởng phúc lợi	610.690.005	788.765.477

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu khảo sát, thí nghiệm và dịch vụ khác	68.661.026.435	48.910.772.678
Doanh thu hoạt động xây lắp	72.237.534.600	179.475.507.463
Tổng	140.898.561.035	228.386.280.141

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn khảo sát, thí nghiệm và dịch vụ khác	55.275.077.723	36.657.513.496
Giá vốn hoạt động xây lắp	68.800.522.366	172.154.298.145
Tổng	124.075.600.089	208.811.811.641

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	40.640.500	363.216.824
Tổng	40.640.500	363.216.824

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	242.817.669	77.366.667
Tổng	242.817.669	77.366.667

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí quản lý	13.681.272.469	16.226.615.696
Chi phí nhân viên quản lý	4.931.499.022	4.265.071.986
Chi phí vật liệu quản lý	1.196.293.729	109.329.694
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.476.000	557.019.266
Chi phí khấu hao TSCĐ	707.372.077	668.348.377
Thuế phí và lệ phí	153.412.875	240.247.211
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.252.110.430	2.760.650.757
Chi phí bằng tiền khác	4.436.108.336	7.625.948.405
Tổng	13.681.272.469	16.226.615.696

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	271.818.182
Thu nhập cho thuê địa điểm kinh doanh	526.009.407	1.992.147.601
Thu nhập khác	42.824.045	53.681.673
Tổng	568.833.452	2.317.647.456
Chi phí khác		
Các khoản phạt và truy thu thuế	126.782.808	128.344.658
Lãi chậm nộp BHXH	167.401.785	15.224.363
Chi phí trả tiền thuê nhà	413.482.135	1.754.765.782
Chi phí khác	55.548.382	955.680.840
Tổng	763.215.110	2.854.015.643
Thu nhập khác thuần/chi phí khác (thuần)	(194.381.658)	(536.368.187)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận trước thuế	2.745.129.650	3.097.334.774
Các khoản tăng thu nhập chịu thuế	268.204.220	203.682.821
Chi phí không được trừ	268.204.220	203.682.821
Thu nhập tính thuế	3.013.333.870	3.301.017.595
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	602.666.774	660.203.519
- Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị định 92/2021 hướng dẫn thực hiện Nghị quyết 406/2021/NQ-UBTVQH15	(180.800.032)	-
Tổng Thuế TNDN phải nộp năm hiện hành	421.866.742	660.203.519

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.323.262.908	2.437.131.255
Điều chỉnh giảm do trích quỹ KTPL	-	413.131.255
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.323.262.908	2.024.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.500.000	5.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	422,41	368,00

Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

(*) Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2020 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 20/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày lại như sau:

	Năm 2020 Trình bày lại VND	Năm 2020 đã trình bày VND	Chênh lệch VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	2.437.131.255	2.437.131.255	-
Các khoản điều chỉnh	413.131.255	-	413.131.255
<i>Điều chỉnh giảm do trích Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>413.131.255</i>	<i>-</i>	<i>413.131.255</i>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.024.000.000	2.437.131.255	(413.131.255)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	5.500.000	5.500.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	368,00	443,11	(75,11)

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41.275.491.102	85.361.407.900
Chi phí nhân công	41.485.915.814	34.761.164.561
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.710.157.202	1.067.855.637
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.543.585.929	81.431.276.922
Chi phí khác bằng tiền	19.747.384.280	20.933.657.666
Tổng	174.762.534.327	223.555.362.686

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Sau ngày 31/12/2021, đại dịch COVID-19 tiếp tục bùng phát lần thứ tư tại Việt Nam với những diễn biến phức tạp, khó lường và có những sự không chắc chắn. Trên thế giới, dịch bệnh vẫn đang có những diễn biến xấu và chưa được kiểm soát. Sự không chắc chắn này đặt ra các câu hỏi về sự suy giảm giá trị của một số tài sản nhất định và gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty. Do tình hình diễn biến phức tạp nên sự ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn chưa được đánh giá đầy đủ. Tuy nhiên, rất có thể đại dịch COVID-19 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Chi tiết giao dịch</u>	<u>Năm 2021 VND</u>	<u>Năm 2020 VND</u>
Hội đồng Quản trị				
Ông Vũ Văn Định	Chủ tịch	Lương và Thù lao	324.000.000	324.000.000
Ông Nguyễn Lâm Cường	Thành viên	Thù lao	22.000.000	24.000.000
Ông Trần Mạnh Long	Thành viên	Thù lao	2.000.000	-
Bà Trần Linh Trang	Thành viên	Thù lao	24.000.000	24.000.000
Ban Kiểm soát				
Ông Lương Ngọc Sang	Trưởng ban	Lương và Thù lao	276.000.000	276.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Thúy	Thành viên	Thù lao	18.000.000	18.000.000
Bà Lê Thị Chuyên	Thành viên	Thù lao	12.000.000	-
Bà Bùi Thị Thanh Hương	Thành viên	Thù lao	-	18.000.000
Ban Giám đốc				
Ông Nguyễn Trọng Thoáng	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Lương và Thù lao	312.000.000	312.000.000
Ông Trần Ngọc Sang	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Lương và Thù lao	276.000.000	276.000.000
Ông Trần Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	Lương và Thù lao	276.000.000	276.000.000
Kế toán trưởng				
Bà Vũ Thị Thanh Huyền	Kế toán trưởng	Lương	276.000.000	276.000.000
Tổng			1.818.000.000	1.824.000.000

Các giao dịch khác với bên liên quan

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Chi tiết giao dịch</u>	<u>Năm 2021 VND</u>	<u>Năm 2020 VND</u>
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty Mẹ	Tiền cổ tức	1.168.988.800	1.454.882.800

Số dư với Các bên liên quan khác

<u>Các khoản phải trả</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Chi tiết giao dịch</u>	<u>31/12/2021 VND</u>	<u>01/01/2021 VND</u>
Phải trả khác				
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty Mẹ	Lợi nhuận phải trả	1.717.035.508	1.717.035.508
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - Công ty Cổ phần		Cổ tức phải trả	668.988.800	-
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty Mẹ	Phải trả khác	48.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT, với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Người lập

Triệu Thị Giang

Kê toán trưởng

Vũ Thị Thanh Huyền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Thoáng